

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN MT
TỈNH VĨNH LONG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 10 – 03 – 2023

“ V/v Xin ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thành Long

2/ Ông Nguyễn Đình Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MT không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở TAND huyện MT xét xử công khai vụ án thụ lý số: 299/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2022, về việc tranh chấp: “*Xin ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1991 (Có mặt)*

Địa chỉ: ấp PT A, xã NP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

*- Bị đơn: Anh **Mai Thanh T**, sinh năm 1990 (Vắng mặt)*

Địa chỉ: ấp PT A, xã NP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/10/2022 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: chị H và anh Mai Thanh T tự tìm hiểu được gia đình cha mẹ hai bên chấp thuận đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã NP, huyện MT vào ngày 04/7/2011.

Sau khi kết hôn chị H và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu sai sỉn về kiểm chuyện đập đồ đạc trong nhà và đánh chị H vô cớ trong thời gian dài. Gia đình cha mẹ hai bên và chị H nhiều lần khuyên can hòa giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị H và anh T đã sống ly thân với nhau từ tháng 04 năm 2022 đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Mai Thanh T.

Về con chung: chị H và anh T có 01 con chung tên Mai Anh K, sinh ngày 26/7/2012 hiện nay do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu giao cháu K cho anh T nuôi dưỡng, chị H chưa cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Về quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, phải trả: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo cho anh Mai Thanh T biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu khởi kiện của chị H, nhưng anh T không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, các phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án không tiến hành ghi lời khai của bị đơn và hòa giải cho các đương sự được.

Con chung trên 07 tuổi của nguyên đơn và bị đơn Mai Anh K trình bày: K là con của cha T và mẹ H, khi cha, mẹ ly hôn nguyện vọng K xin sống với cha.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Mai Thanh T, về nuôi con chung giao cháu Mai Anh K cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H chưa cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T, về tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo luật định hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Mai Thanh T qua tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 09 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Đến năm 2019 trong quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu sai sỉn về kiểm chuyện đập đồ đạc trong nhà và đánh chị H vô cớ trong thời gian dài. Cha mẹ hai bên nhiều lần hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có

kết quả, chị H và anh T đã sống ly thân với nhau, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, anh T không đến phiên tòa và không nhận các Quyết định của Tòa án, thể hiện anh T từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Anh, chị đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] Về Con chung: Giao cháu Mai Anh K, sinh ngày 26/7/2012 cho anh Mai Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng. Đồng thời cháu K hiện nay do anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng do đó tiếp tục giao cháu K cho anh T là phù hợp với hoàn cảnh, sinh sống của cháu K.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị H, anh T chưa yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: chưa yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: chị Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227; các Điều 266; 267 của Luật tổ tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 09, 51, 53, 56, 81, 82, 83, của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Mai Thanh T.

2/Về nuôi con chung: Giao cháu Mai Anh K, sinh ngày 26/7/2012 cho anh Mai Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trần Thị H có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị H, anh T chưa yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: Chưa yêu cầu, nên không xem xét.

5/ Về án phí: Buộc chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007370 ngày 10/10/2022. Chị H đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện MT;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS huyện MT;
- UBND xã NP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Đã ký

Huỳnh Thị Linh